

**KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY - HỆ CAO ĐẲNG (HIỆU CHỈNH TỪ HK2)
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN-ĐIỆN TỬ (K14CH)**
(KH này thay thế KH số 1004/KH-CĐMT ngày 28 tháng 7 năm 2017)

KHOÁ HỌC (2017-2020)

Quảng Nam, ngày **17** tháng **11** năm 2017

I/ PHÂN PHỐI THỜI GIAN TRONG KHOÁ HỌC:

NĂM HỌC	LÝ THUYẾT	THI NGHIỆM, THỰC HÀNH	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	LAO ĐỘNG, DỰ PHÒNG	THI	KHAI BẾ GIẢNG	NGHI HÈ	NGHI LỄ, TẾT	CÔNG
I	24	9	0	0	7	1	4	4	49
II	22	16	0	0	6	0	4	4	52
III	17	11	8	0	9	1	0	4	50
Cộng	63	36	8	0	22	2	8	12	151

II/ PHÂN PHỐI SỐ TIẾT CÁC MÔN HỌC LÝ THUYẾT

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học			
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
				HK1	HK2	HK1	HK2
1	Học phần bắt buộc	66	990	240	330	225	195
2	Chính trị	6	90	45	45		0
3	Pháp luật	2	30	30			
4	Giáo dục thể chất	4	60	30	30		
5	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	75			
6	Tin học	5	75	30	45		
7	Ngoại ngữ	8	120	60	60		
8	Mạch điện 1.2	6	90	45	45		
9	Vẽ điện	4	60	30	30		
10	Kỹ thuật an toàn & VSCN	1	15		15		
11	Điện tử cơ bản	2	30	30			
12	Đo lường điện	2	30	30			
13	Khí cụ điện	2	30	30			
14	PLC	3	45		45		
15	Kỹ năng mềm	3	45		45		
16	Cung cấp điện	2	30		30		
17	Rơle bảo vệ	2	30		30		
18	Cảm biến đo lường	2	30		30		
19	Kinh doanh điện năng	2	30		30		
20	Điện tử công suất	3	45		45		
	Học phần tự chọn						
	Chuyên ngành Hệ thống điện	22	330	0	0	0	180
1	Mạng điện 1.2	4	60				60
2	Ngân mạch	2	30				30
3	Bảo vệ các phần tử trong hệ thống điện	2	30				30
4	Nhà máy điện	4	60				60
5	Bù công suất phản kháng lưới phân phối (LVTN)	2	30				30
6	Kỹ thuật cao áp	2	30				30
7	VH TBD & HTD	2	30				30
8	SCADA (LVTN)	2	30				30
9	Tự động hóa trong HTD	2	30				30

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết	Số tiết chia theo học kỳ, năm học			
				Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
				HK1	HK2	HK1	HK2
	Chuyên ngành Tự động hóa	24	360	0	0	0	180
1	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	30				30
2	Kỹ thuật xung	2	30				30
3	Điều khiển điện-khí nén	2	30				30
4	Truyền động điện	3	45				45
5	Vi điều khiển	3	45				45
6	SCADA	2	30				30
7	Lập trình LabVIEW (LVTN)	2	30				30
8	Tự động hóa trong HTD	2	30				30
9	Vi mạch tương tự, vi mạch số	3	45				45
10	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45				45
	Chuyên ngành Điện công nghiệp	22	330	0	0	0	195
1	Điều khiển điện-khí nén	2	30				30
2	Kỹ thuật chiếu sáng	2	30				30
3	Vi điều khiển	3	45				45
4	Thiết kế cung cấp điện	3	45				45
5	Kỹ thuật điện lạnh	3	45				45
6	Hệ thống cơ điện trong CN	2	30				30
7	Bu cs phản kháng lưới phân phối	2	30				30
8	Hệ thống năng lượng tái tạo (LVTN)	2	30				30
9	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45				45
	Chuyên ngành Điện dân dụng	21	315	0	0	0	165
1	Kỹ thuật chiếu sáng	2	30				30
2	Thiết kế cung cấp điện	3	45				45
3	Kỹ thuật điện lạnh	3	45				45
4	Vi điều khiển	3	45				45
5	Bù công suất phản kháng lưới phân phối	2	30				30
6	Hệ thống năng lượng tái tạo (LVTN)	2	30				30
7	CAD trong điện công nghiệp (LVTN)	3	45				45
8	Vi mạch tương tự, vi mạch số	3	45				45

III/ KẾ HOẠCH THI NGHIỆM, THỰC HÀNH, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP:

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm học	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	Học phần bắt buộc	31	35	3	5	9	10	0	8
2	TT điện cơ bản 1.2	2	2	1	1				
3	TT cơ khí	1	1	1					
4	TT quản dây 1.2	2	2		1	1			
5	TT mạch điện 1.2	2	2	1	1				
6	TT logic 1.2.3	5	5		2	2	1		
7	Kiểm tập	0,5	0,5		0,5				
8	TT đo lường điện	0,5	0,5		0,5				
9	TT lắp đặt điện 1.2	2	2			1	1		
10	TT TN thiết bị điện 1.2	2	2			1	1		
11	TT thực tế sản xuất	4	4		2	2			
12	TT máy điện 1.2	1	1			1			
13	TT điện tử	1	1				1		
14	TT trạm biến áp	1	1				1		
15	TT PLC cơ bản	1	1				1		
16	TT tốt nghiệp	4	8						8
Học phần tự chọn									
1	Chuyên ngành Hệ thống điện	9	9	0	0	0	0	4	5
2	TT vận hành HTĐ	0,5	0,5					0,5	
3	TT vận hành NMTĐ	0,5	0,5					0,5	
4	TT logic 4.5	3	3					1	2
5	TT hệ thống đo đếm	1	1					1	
6	TT nghiệp vụ kinh doanh điện năng	1	1					1	
7	Đồ án mạng điện	1	1						1
8	Đồ án chỉnh lưu và tiếp địa (LVTN)	1	1						1
8	TT Vận hành tự bù	1	1						1

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tuần	Số tuần chia theo học kỳ, năm học					
				Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm học	
				HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	Chuyên ngành Tự động hóa	9	9	0	0	0	0	5	4
2	TT vi điều khiển 1.2	2	2					1	1
3	TT điều khiển điện-khí nén	2	2					1	1
4	TT TN thiết bị điện 3	1	1					1	
5	TT logic 3	1	1					1	
6	Đồ án PLC	1	1					1	
7	Đồ án vi điều khiển	1	1					1	
8	Chuyên ngành Điện công nghiệp	11	11	0	0	0	0	6	5
1	TT lắp đặt thiết bị tự động điều khiển 1.2	2	2					1	1
2	TT vi điều khiển 1.2	2	2					1	1
3	TT điều khiển điện-khí nén	1	1					1	
4	Đồ án thiết kế điện công nghiệp	1	1					1	
5	TT sửa chữa thiết bị điện dân dụng	2	2					2	
6	TT lắp đặt hệ thống điện căn hộ	1	1					1	
7	TT PLC nâng cao	1	1					1	
8	Đồ án PLC	1	1					1	
1	Chuyên ngành Điện dân dụng	11	11	0	0	0	0	6	5
2	TT Lắp đặt điện căn hộ 1.2	2	2					1	1
3	TT vi điều khiển 1.2	2	2					1	1
4	TT lắp đặt điện 3	1	1					1	
5	Đồ án thiết kế điện dân dụng	1	1					1	
6	TT sửa chữa thiết bị điện dân dụng 1	2	2					2	
7	Đồ án vi điều khiển	1	1					1	
7	TT sửa chữa thiết bị điện dân dụng 2	2	2						2

IV/ LỊCH GIẢNG DẠY TOÀN KHOA:

Tháng		8		9		10		11		12		1		2		3		4		5		6		7		8																													
Tuần thứ		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52		
Năm học																																																							
I	K																																																						
II																																																							
III																																																							

K.B Khai, bẻ giảng T Thực tập tốt nghiệp = Học Lý thuyết song song với thực tập Σ Thi N Nghỉ hè, nghỉ tết DP Dự phòng

(LVTN): Sinh viên làm luận văn tốt nghiệp không học các môn này.

Nơi nhận:

- BGH, các Phòng, Khoa, CB, ĐTĐ,

- Thông báo;

- Lưu: VT, ĐT.

